

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẠT YÊU CẦU VÒNG 1 KỲ THI TIẾNG HÀN
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT CHẾ TẠO NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 524 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 04/7/2025)

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1280	50202905	TRAN THI HUONG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1281	50202914	HOANG THI LIEU	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1282	50202919	TRAN DINH BA	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1283	50202926	LUONG THI NGA	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1284	50202928	HO VAN SON	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1285	50202930	LO ANH VU	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1286	50202932	PHAN DUC MANH	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1287	50202934	PHAM VAN HUNG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1288	50202936	NGUYEN GIAO HAI	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1289	50202939	NGUYEN VIET THONG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1290	50202940	CAO DANG SON	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1291	50202951	CAO THI HONG THAM	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1292	50202952	NGUYEN VAN DAT	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1293	50202954	HA VAN DAT	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1294	50202955	PHAN DAI THANG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1295	50202960	NGO QUOC TUAN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1296	50202964	VI THI XUYEN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1297	50202965	LO THI BAO VY	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1298	50202966	HA VAN HOAI	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1299	50202970	PHAM MINH DUC	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1300	50202971	LO QUOC NHAN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1301	50202974	LO THUAN AN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1302	50202976	NGUYEN HUU HOC	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1303	50202979	TRAN VAN THONG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1304	50202989	VO VAN SON	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1305	50202995	THAI THI HANH	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1306	50203000	TRAN THI VAN ANH	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1307	50203002	PHAN VAN QUANG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1308	50203003	NGUYEN THI OANH	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1309	50203004	PHAM DINH TAN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1310	50203007	BUI VAN GIANG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1311	50203010	TRAN VAN KIEN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1312	50203018	NGUYEN VAN QUAN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1313	50203022	NGUYEN HUU QUAN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1314	50203025	BUI VAN DIEU	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1315	50203027	TRAN VAN QUAN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1316	50203037	NGUYEN ANH DUC	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1317	50203046	LE DUC LAM	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1318	50203049	HO THI PHUOC	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1319	50203054	LE DINH KHANH	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1320	50203056	PHAN THI HUYEN DIEU	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1321	50203061	NGUYEN XUAN TIEN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1322	50203069	PHAM TRONG KY	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1323	50203077	TA VAN THANG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1324	50203078	LANG BAO AN	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1325	50203086	NGUYEN QUANG THO	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1326	50203088	BUI VU HUY	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1327	50203089	BUI HUU TUY	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1328	50203095	HA TAY BAC	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1329	50203099	LE THI NHUNG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1330	50203104	LE MINH HUNG	Nông nghiệp	Nghệ An	Nghệ An
1331	50823503	NGUYEN TRUNG LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1332	50823504	CHU VAN CHIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1333	50823524	HO THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1334	50823529	PHAN THI PHUONG THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1335	50823533	NGUYEN THI THUY HANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1336	50823535	NGUYEN THI THANH TRA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1337	50823536	LO THI MAY DIEP	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1338	50823538	NGUYEN THI VINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1339	50823570	TRAN VAN PHU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1340	50823581	PHAN THI GIANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1341	50823594	NGUYEN VAN HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1342	50823622	CAO THUONG NGOI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1343	50823626	NGUYEN TAT DUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1344	50823628	DAM VAN TIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1345	50823630	HOANG DINH VIET	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1346	50823655	NGUYEN PHI NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1347	50823656	NGUYEN HONG THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1348	50823661	CAO VAN HUYNH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1349	50823690	NGUYEN KHAC HE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1350	50823708	LE THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1351	50823713	TRAN THI NGAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1352	50823717	NGUYEN VAN NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1353	50823720	NGUYEN THAI THIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1354	50823736	NGUYEN PHUONG THUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1355	50823739	TRAN QUANG DAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1356	50823742	NGUYEN THI THUY DUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1357	50823743	CAO HUU NGHIA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1358	50823744	DUONG THI HAI LY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1359	50823748	NGUYEN TRUONG SON	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1360	50823751	TO THI THANH HOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1361	50823752	NGUYEN DINH QUANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1362	50823753	TRAN THI TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1363	50823772	NGUYEN DUY MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1364	50823775	HO CANH NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1365	50823784	NGO VAN MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1366	50823787	LE VAN THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1367	50823791	LE DUC MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1368	50823792	DAU THI ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1369	50823795	PHAN VAN PHONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1370	50823800	NGUYEN NGOC TAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1371	50823803	NGUYEN THI THU HIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1372	50823804	NGUYEN XUAN NGUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1373	50823811	HOANG TAN DAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1374	50823814	PHAN HUU LONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1375	50823818	HOANG VAN KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1376	50823820	NGUYEN THI HANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1377	50823829	NGUYEN THI HANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1378	50823840	NGAN THI THU THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1379	50823850	NGUYEN DUC KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1380	50823852	BUI XUAN DAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1381	50823871	LE ANH QUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1382	50823872	VU QUANG CHIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1383	50823873	LE THI HUYEN TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1384	50823883	PHAN VAN LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1385	50823886	DAU XUAN LOI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1386	50823893	TRAN THI HUYEN TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1387	50823897	NGUYEN HOAI NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1388	50823905	HO THI ANH THO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1389	50823906	TRAN THI YEN NHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1390	50823913	DAU THI LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1391	50823918	CAO TIEN DUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1392	50823919	PHAN THI NHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1393	50823922	HO TINH SY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1394	50823929	TRUONG THI LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1395	50823930	HOANG THI MINH THU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1396	50823937	HO VAN CONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1397	50823940	PHAM VAN HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1398	50823949	HO HUU HUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1399	50823950	NGUYEN THI THU HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1400	50823953	HOANG MINH MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1401	50823960	TRAN DUC TRUNG HIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1402	50823961	HO NGOC ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1403	50823962	NGUYEN NGHIA THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1404	50823963	TO DUC ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1405	50823967	HA VAN THUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1406	50823973	NGUYEN VAN QUANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1407	50823977	BUI PHI HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1408	50823979	LE VAN NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1409	50823981	NGO TRI NGHIA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1410	50823982	LE TRUNG HIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1411	50823983	VI VAN THOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1412	50823984	NGO BAO KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1413	50823987	TRUONG DAN SONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1414	50823991	NGUYEN VAN QUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1415	50823994	NGUYEN THI NGAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1416	50824000	LE THI VAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1417	50824002	LE VAN HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1418	50824005	HOANG SY NGA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1419	50824009	AN NHAT DUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1420	50824012	LE NGOC TRUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1421	50824013	DANG HO MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1422	50824017	NGUYEN THAI THINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1423	50824020	HOANG VAN KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1424	50824025	VO TUAN TU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1425	50824029	DINH THI HUE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1426	50824030	TRUONG THI HAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1427	50824032	HO THI THUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1428	50824033	DANG NGOC AN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1429	50824037	NGUYEN DINH KIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1430	50824038	HO VAN CHINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1431	50824040	NGUYEN VAN THONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1432	50824049	HO TRONG NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1433	50824053	VO VAN TUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1434	50824066	NGUYEN THI THOM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1435	50824069	CAO VAN THANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1436	50824073	VO TRONG CAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1437	50824081	VO VAN THAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1438	50824082	NGUYEN THI VAN ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1439	50824086	NGUYEN THI HANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1440	50824097	PHAM HAI NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1441	50824098	HOANG XUAN PHUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1442	50824100	LU THI THU TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1443	50824104	NGUYEN ANH TUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1444	50824106	LE VAN TUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1445	50824107	NGUYEN DINH THAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1446	50824116	NGUYEN VAN LOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1447	50824118	NGUYEN XUAN NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1448	50824123	PHAN THI KIM CHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1449	50824138	LE THI CHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1450	50824142	NGUYEN DUC NGHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1451	50824161	HOANG VAN NGUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1452	50824172	LE THI THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1453	50824174	VU THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1454	50824177	LE DUC MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1455	50824179	LUONG DIEU THUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1456	50824184	TRAN VAN THOM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1457	50824188	HA VAN CUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1458	50824189	PHAN THI HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1459	50824199	VU THI YEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1460	50824205	LO VAN LONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1461	50824215	NGUYEN XUAN KHANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1462	50824220	LE NGOC TIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1463	50824224	LE TRI TAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1464	50824227	CAO HUU LUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1465	50824231	NGUYEN DUC THANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1466	50824232	NGUYEN NHU HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1467	50824233	NGUYEN NGOC PHONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1468	50824237	DAO HOANG QUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1469	50824241	DOAN VAN TRUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1470	50824242	HA THI NGOC LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1471	50824245	NGUYEN VAN TAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1472	50824248	DAU HONG THAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1473	50824251	LE VAN TAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1474	50824253	NGUYEN NGOC NGU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1475	50824256	VU THI NHUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1476	50824257	TRAN VAN HUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1477	50824266	PHAM SONG THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1478	50824274	NGUYEN THI HUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1479	50824278	TRAN DINH DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1480	50824279	NGUYEN VAN MINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1481	50824281	LY THI HAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1482	50824311	TRAN THI THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1483	50824326	HO THI KHANH HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1484	50824343	PHAN VAN KIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1485	50824348	TRAN VAN DONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1486	50824352	HOANG NGOC TRUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1487	50824367	NGUYEN THI THANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1488	50824369	PHAM VAN QUYET	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1489	50824375	NGUYEN HUU THUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1490	50824378	NGUYEN DINH THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1491	50824389	NGUYEN DINH NGUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1492	50824390	DANG QUANG HUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1493	50824392	LE THI THIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1494	50824398	LUU VAN HUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1495	50824410	LU THI HUE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1496	50824411	LU THI ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1497	50824415	TRAN VAN NGUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1498	50824441	THAI BA VINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1499	50824448	HO THI NGOC DUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1500	50824458	THAI DOAN THANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1501	50824460	LE KHANH TOAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1502	50824466	LUONG THI CHUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1503	50824487	TRAN MINH MAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1504	50824508	NGUYEN XUAN PHONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1505	50824522	DANG THI THU TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1506	50824531	NGUYEN VAN KHUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1507	50824547	THAI NHAT TAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1508	50824548	NGUYEN THI DUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1509	50824555	NGUYEN VAN LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1510	50824556	NGUYEN XUAN QUOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1511	50824557	PHAN BA KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1512	50824562	HOANG DANG BAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1513	50824564	NGUYEN KIM THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1514	50824567	NGUYEN HOANG ANH VIET	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1515	50824575	TRAN THI YEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1516	50824576	NGUYEN THI TRINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1517	50824590	TRAN THI DUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1518	50824591	NGUYEN MINH CHIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1519	50824593	DANG DUC QUYET	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1520	50824596	NGUYEN CANH KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1521	50824597	DANG THI LIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1522	50824600	LE THI THU PHUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1523	50824607	TRUONG VAN LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1524	50824609	NGUYEN DINH CUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1525	50824611	NGUYEN THI HIEU GIANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1526	50824612	NGUYEN CONG TU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1527	50824613	DUONG PHUC TUAN NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1528	50824619	NGUYEN THI QUYNH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1529	50824624	TRAN VAN SANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1530	50824630	PHAN THI THUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1531	50824639	HOANG DANH THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1532	50824641	NGUYEN MINH HONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1533	50824643	HA QUANG TRI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1534	50824647	HA QUANG PHU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1535	50824660	NGUYEN VAN THINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1536	50824667	CUNG DINH KIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1537	50824686	NGUYEN VAN THE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1538	50824696	NGUYEN DUC LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1539	50824700	PHAM VIET LOI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1540	50824714	NGUYEN VAN HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1541	50824716	TRAN VAN KY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1542	50824718	NGUYEN VAN MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1543	50824719	NGUYEN QUANG DUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1544	50824720	PHAM CONG LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1545	50824722	NGUYEN VAN BINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1546	50824724	HOANG XUAN TRIET	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1547	50824729	DANG QUANG HONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1548	50824730	NGUYEN VAN QUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1549	50824738	PHAM THI LOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1550	50824747	PHAM VAN THONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1551	50824752	NGUYEN DUC LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1552	50824755	NGUYEN THI HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1553	50824756	HOANG MINH SON	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1554	50824760	TA VAN DU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1555	50824769	NGUYEN DUC LAM TRA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1556	50824771	NGUYEN HOAI NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1557	50824773	BUI DANG TU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1558	50824778	HOANG THI QUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1559	50824784	BAN THI HONG VAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1560	50824787	NGUYEN VAN DAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1561	50824788	TRINH BAO NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1562	50824789	KIEU ANH TUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1563	50824794	HOANG VAN CHIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1564	50824804	NGUYEN VAN CUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1565	50824809	HOANG DANH NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1566	50824812	DUONG VAN DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1567	50824820	NGUYEN TRONG DONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1568	50824827	NGUYEN QUANG TRUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1569	50824829	TRUONG DINH LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1570	50824830	NGUYEN VAN PHU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1571	50824833	NGUYEN THI HOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1572	50824835	NGUYEN THI THUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1573	50824836	TRAN THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1574	50824841	NGUYEN TRONG CHINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1575	50824843	TANG THI LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1576	50824844	NGUYEN CONG TIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1577	50824849	VO THI TO NHU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1578	50824852	MAI XUAN HUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1579	50824853	NGUYEN VAN CHUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1580	50824859	TRAN VAN MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1581	50824862	PHAN TRONG TAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1582	50824872	NGUYEN NANG LOI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1583	50824891	NGUYEN DINH THANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1584	50824894	NGUYEN THI PHUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1585	50824922	TRAN THI PHUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1586	50824943	HA HUNG TIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1587	50824949	TRAN XUAN TRUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1588	50824952	PHAM VIET PHUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1589	50824957	LE KHAC TAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1590	50824959	NGUYEN THANH CONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1591	50824965	NGUYEN MY HOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1592	50824966	LE CANH HIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1593	50824968	PHAM VAN HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1594	50824978	NGUYEN THI OANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1595	50824996	PHAM HUU TIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1596	50825000	HOANG DINH NGHIA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1597	50825009	LUONG KY MAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1598	50825012	NGUYEN THI TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1599	50825016	NGUYEN THI SUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1600	50825025	NGUYEN HUU DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1601	50825040	NGUYEN THI PHUONG CHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1602	50825041	HO VAN AN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1603	50825044	TRAN THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1604	50825067	NGUYEN VAN QUOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1605	50825070	TRUONG THI LINH LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1606	50825073	NGUYEN HUU PHONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1607	50825091	NGUYEN TAT THONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1608	50825092	LE THE TUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1609	50825099	THAI DOAN LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1610	50825101	NGUYEN DUY DAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1611	50825104	TRAN DUC THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1612	50825107	NGUYEN THINH HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1613	50825111	PHAM THI NGAN UYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1614	50825119	NGUYEN MONG VUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1615	50825124	HOANG DINH PHU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1616	50825125	NGUYEN VAN QUYNH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1617	50825130	TRAN THI SOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1618	50825135	NGUYEN VAN TUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1619	50825137	THAI THI TRANG VAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1620	50825154	VAN BA MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1621	50825165	NGO SI NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1622	50825174	VI TRONG HOP	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1623	50825175	PHAN SY MINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1624	50825177	TA QUOC MANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1625	50825178	NGUYEN THI DUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1626	50825197	HO THI NGAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1627	50825198	HO SY THAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1628	50825205	TRAN VAN SANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1629	50825209	HOANG THI TAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1630	50825215	NGUYEN TIEN MINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1631	50825223	TRAN VAN THONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1632	50825224	DANG BA SANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1633	50825237	BUI VAN LIEM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1634	50825245	TON HUU THONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1635	50825248	VU DINH HAU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1636	50825249	LE TIEN TRUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1637	50825256	NGUYEN HUU HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1638	50825258	LE THI SUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1639	50825264	LUU THI NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1640	50825265	PHAM VAN LONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1641	50825273	NGO XUAN LOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1642	50825281	PHAM THI HUONG THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1643	50825284	TRINH VAN HANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1644	50825290	NGUYEN THI KIM CHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1645	50825297	LE XUAN DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1646	50825304	NGUYEN THI SAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1647	50825305	NGUYEN XUAN TRUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1648	50825311	LE VAN TUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1649	50825312	NGUYEN TRONG KHOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1650	50825313	NGUYEN THI MO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1651	50825326	NGUYEN VAN HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1652	50825329	NGUYEN THI CAM BINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1653	50825330	NGUYEN THUY HANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1654	50825335	LE XUAN HIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1655	50825338	NGUYEN THI LANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1656	50825351	TRAN QUOC HUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1657	50825369	LUU VAN QUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1658	50825371	NGUYEN THI HOAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1659	50825374	MAI KHANH HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1660	50825384	DAO VAN NGOAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1661	50825397	NGUYEN THI HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1662	50825401	PHAN VAN SON	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1663	50825417	TRAN HUY HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1664	50825420	PHUNG VAN CAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1665	50825423	VO THI THUY HUE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1666	50825424	NGUYEN DUC HUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1667	50825426	TRINH VAN HIEU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1668	50825427	BUI THI OANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1669	50825428	HO SY DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1670	50825434	NGUYEN THI HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1671	50825456	NGUYEN XUAN TUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1672	50825463	DUONG DINH HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1673	50825475	VUONG DINH DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1674	50825476	DANG XUAN HOANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1675	50825491	LO VAN KIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1676	50825497	NGUYEN VAN HAU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1677	50825499	NGUYEN THI HOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1678	50825509	VO DINH HUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1679	50825526	TRAN HUU DUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1680	50825549	THAI THI HUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1681	50825560	DUONG DINH CHAU KIET	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1682	50825569	DINH VIET THANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1683	50825572	TRAN VAN HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1684	50825584	CAO VAN AN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1685	50825591	PHAM VAN HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1686	50825601	PHAN VAN QUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1687	50825613	LE VAN DONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1688	50825615	DAO DUY ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1689	50825616	NGUYEN THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1690	50825628	HO THI LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1691	50825631	BACH HUNG QUAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1692	50825637	NGUYEN TRUONG SON	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1693	50825640	HOANG VAN HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1694	50825642	NGO DANG CAT TUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1695	50825646	NGUYEN CONG PHONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1696	50825647	LE XUAN GIAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1697	50825656	PHAN VAN HOA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1698	50825657	LE THI TRANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1699	50825668	CAO VAN QUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1700	50825669	DAU DUC HANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1701	50825673	NGUYEN THI LE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1702	50825677	NGUYEN THI DAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1703	50825686	HOANG THI GIANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1704	50825687	LO VAN MUON	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1705	50825690	LE VAN NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1706	50825693	HONG NGOC QUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1707	50825721	VO THI HA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1708	50825728	PHAN DANG QUANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1709	50825730	HOANG TUAN ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1710	50825739	DUONG XUAN DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1711	50825742	TRAN VU THUAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1712	50825747	VO THI TO UYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1713	50825748	NGUYEN THI LOI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1714	50825751	NGUYEN BA LOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1715	50825758	HO CANH DANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1716	50825773	PHAN SY DUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1717	50825778	TRAN NGOC DUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1718	50825804	NGUYEN VIET DAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1719	50825808	VO THI TINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1720	50825827	PHAM THI PHUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1721	50825829	NGUYEN NGO KHANH LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1722	50825836	BUI DUC GIAP	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1723	50825839	NGUYEN VAN HUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1724	50825846	HO THI QUYNH LY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1725	50825851	NGUYEN NGOC GIAP	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1726	50825854	HO CONG MACH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1727	50825861	TRAN THI MY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1728	50825869	CU THI NHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1729	50825870	NGUYEN DUY LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1730	50825877	PHAM THI MINH ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1731	50825878	HUYNH THI QUYNH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1732	50825880	NGUYEN THI THUY	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1733	50825886	PHAM VAN NHAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1734	50825897	HOANG THI YEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1735	50825898	NGUYEN HUU TOAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1736	50825902	LE THI NGA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1737	50825904	NGO XUAN DINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1738	50825918	LAI THI HUYEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1739	50825921	TRAN XUAN VINH LONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1740	50825927	LE THI NHAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1741	50825929	TRAN THI NGOC LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1742	50825933	NGUYEN THI HIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1743	50825961	NGUYEN THIEN HOANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1744	50825967	NGUYEN THI TRA	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1745	50825972	NGUYEN MINH NHAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1746	50825981	NGUYEN NGOC QUOC CHUNG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1747	50825982	NGUYEN TIEN LUC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1748	50825983	VU THI HONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1749	50825987	LE HAI YEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1750	50826006	MAI TAN DAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1751	50826012	DAU THI GIANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1752	50826018	PHAN THAI SON	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1753	50826030	TA QUANG LUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1754	50826036	HO THI HAI YEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1755	50826044	DINH BA DANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1756	50826051	DUONG HUU NAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1757	50826056	LUONG THANH NGHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1758	50826079	NGUYEN VAN THE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1759	50826089	DAU THI HUONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1760	50826090	HOANG CONG LINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1761	50826101	LE VAN TIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1762	50826109	HO SY THE	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1763	50826116	NGUYEN SY PHI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1764	50826120	HO QUOC LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1765	50826126	HO THI LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1766	50826128	DANG XUAN ANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1767	50826130	DINH VAN LAM	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1768	50826146	TRAN THI NGAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1769	50826161	NGUYEN LAN TRINH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1770	50826165	VI THI THU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1771	50826193	TRAN THI MY LIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1772	50826207	TRAN THI NGAN VANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1773	50826215	LANG THI LINH DAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1774	50826227	LE DUY KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1775	50826229	NGUYEN VAN NGOC	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1776	50826231	LUONG THI HANG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1777	50826236	HOANG THI THAO	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1778	50826241	DAU SY QUANG KHAI	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1779	50826252	LUONG VAN TU	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1780	50826267	LE THUY VAN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1781	50826285	TRAN THI THANH LIEN	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1782	50826287	LOC THI TUAT	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1783	50826298	PHUNG PHUONG DONG	SXCT	Nghệ An	Nghệ An
1784	50826337	BUI DANG KHANH	SXCT	Nghệ An	Nghệ An